

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 458/2024/DS-PT
Ngày: 21-8-2024
V/v tranh chấp đòi bồi thường thiệt
hại uy tín bị xâm phạm, buộc thực
hiện nghĩa vụ và xin lỗi, cải chính
thông tin.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Ông Trần Trung Thành

Ông Nguyễn Ngọc Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà
Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 339/2024/TLPT- DS ngày 12
tháng 7 năm 2024 về tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại uy tín bị xâm phạm, buộc
thực hiện nghĩa vụ và xin lỗi, cải chính thông tin.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2024/DS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án
nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng
7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV P;

Địa chỉ: Số D, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Lê Thái C, sinh năm 1980, Chức vụ:
Chủ tịch Công ty, kiêm Giám đốc; (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trung tâm D;

Địa chỉ: Số D, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1974; Chức vụ: Giám đốc; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà G, đường P, Tổ E, Khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp* của bị đơn là Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H1, Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Công ty TNHH MTV P có người đại diện hợp pháp là ông Lê Thái C trình bày:* Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn Công ty TNHH MTV P (gọi tắt là Công ty P) yêu cầu Trung tâm D (gọi tắt là Trung tâm) thu hồi văn bản số 220/TTDVVL-CULĐ ngày 05/6/2023 (gọi tắt là Văn bản 220) và gửi văn bản xin lỗi do làm ảnh hưởng đến tính pháp lý, uy tín, hình ảnh của Công ty P.

Yêu cầu Trung tâm phải tuyên trả lại 222 lao động đã đăng ký với Công ty P nhưng bị hủy bởi văn bản số 220/TTDVVL-CULĐ ngày 05/6/2023.

Yêu cầu Trung tâm phải chi trả cho Công ty P khoản tiền gồm: 50% tiền lương của 03 nhân viên trong thời gian người lao động học đến khi xuất cảnh (07 tháng), số tiền là 2.333.333 đồng/tháng x 03 nhân viên x 07 tháng = 49.000.000 đồng.

Bởi vì, việc Trung tâm ban hành Văn bản 220 nói không đúng về Công ty P và gửi văn bản này đến các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tính pháp lý, uy tín, hình ảnh của Công ty P.

Cụ thể Văn bản 220 có nội dung như sau: Trong thời gian qua, có nhiều cơ quan, đơn vị thông tin hỏi Trung tâm về hoạt động của Công ty TNHH MTV P. Trung tâm D là Công ty P chưa được Bộ L1 cấp phép hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cũng như Trung tâm chưa ký kết hợp tác với Công ty P và Công ty TNHH H3 trong hoạt động tuyên truyền, tuyển chọn lao động. Trung tâm D trân trọng thông tin đến Quý cơ quan, đơn vị biết”.

Tại phiên hòa giải, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải ban hành văn bản để bổ sung, làm rõ thêm nội dung của Văn bản 220, theo đó bổ sung thêm nội dung nguyên đơn được phép hoạt động 07 nội dung theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm như trong công văn số 2575 ngày 07/11/2022 của

Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ, văn bản được gửi đến Công ty TNHH MTV P. Các yêu cầu khởi kiện còn lại thì giữ nguyên.

Sau đó, bị đơn đã có văn bản số 123/TTDVVL-CULĐ ngày 25/3/2024 V/v bổ sung nội dung Văn bản 220, tuy nhiên nội dung chưa phản ánh đầy đủ và đúng theo yêu cầu của nguyên đơn, lẽ ra nội dung văn bản này phải bỏ đoạn “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

Tuy nhiên, sau ngày xét xử đầu tiên, Trung tâm đã ban hành Công văn số 178/TTDVVL-CULĐ ngày 07/5/2024 V/v bổ sung nội dung văn bản, nội dung văn bản đã bỏ nội dung “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng” đúng như yêu cầu của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 09/5/2023, nguyên đơn rút phần yêu cầu về việc yêu cầu Trung tâm gửi văn bản đính chính Văn bản 220 đến công ty P với nội dung bỏ đoạn “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”. Bởi vì, Trung tâm đã thực hiện xong vào ngày 07/5/2024 nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết trong vụ án này cũng như không khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Trung tâm D phải tuyển trả lại cho Công ty P 200 lao động, nam, nữ, độ tuổi từ đủ 18 đến 32, trình độ học vấn 12/12 và phải chi trả cho Công ty P khoản tiền là 50% tiền lương của 03 nhân viên trong 07 tháng là: $2.333.333 \text{ đồng} \times 03 \text{ nhân viên} \times 07 \text{ tháng} = 49.000.000 \text{ đồng}$. Mức lương được tính dựa trên lương tối thiểu vùng, 07 tháng là thời gian đào tạo học viên để đủ điều kiện xuất cảnh.

Chứng cứ để chứng minh: Các phiếu đăng ký của học sinh và chứng cứ về việc có trả lương hàng tháng là phiếu chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN vào tháng 8/2023, hợp đồng khoán việc ký kết với 03 người lao động. Lý lẽ và cơ sở pháp lý chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là: Việc ban hành Văn bản 220 phải do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cấp trên của Sở, còn Trung tâm ban hành là trái quy định pháp luật, vi phạm pháp luật tại Điều 7, khoản 1, 2 Điều 16 Luật Doanh nghiệp, Điều 5, khoản 1, 2 Điều 8 Luật Cảnh tranh.

- Bị đơn Trung tâm D có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Phú H trình bày:

Trung tâm D ban hành Văn bản 220 gửi đến các trường trung học phổ thông là để cung cấp thông tin thực tế tại thời điểm các đơn vị hỏi ý kiến của Trung tâm. Việc Trung tâm cung cấp thông tin thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau giữa các đơn vị phối hợp, Trung tâm không gửi đến học sinh, lao động hoặc nội dung thông tin sai gây cản trở Công ty.

Sau khi được hòa giải thì bị đơn đồng ý ban hành văn bản bổ sung thêm để làm rõ nội dung của Văn bản 220, theo đó tại văn bản số 123/TTDVVL-CU'LD ngày 25/3/2024 V/v bổ sung văn bản, đã bổ sung thêm nội dung về việc Công ty P được phép hoạt động 07 nội dung theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm như trong công văn số 2575 ngày 07/11/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ, văn bản được gửi đến Công ty TNHH MTV P.

Trung tâm không đồng ý tuyên trả 200 lao động và bồi thường số tiền 49.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì: Bị đơn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ, làm theo nhiệm vụ được phân công là tư vấn, cung ứng lao động theo Chương trình hành động 198 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 43 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Bị đơn không làm thiệt hại cho Công ty P, bị đơn chỉ gửi văn bản cung cấp thông tin cho các Trường, không ngăn cản học sinh đến tư vấn tại Công ty P, Văn bản 220 cũng không gửi đến học sinh hay người lao động. Trung tâm khẳng định Văn bản 220 không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty P, nội dung văn bản chỉ mang tính chất cung cấp thông tin và được gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ để nắm nhưng Sở cũng không có ý kiến về văn bản này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2024/DSST ngày 09/5/2024 của Tòa án thành phố C tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV P về việc yêu cầu Trung tâm D phải tuyên trả lại 200 lao động, nam, nữ, độ tuổi từ đủ 18 đến 32, trình độ học vấn 12/12 và bồi thường thiệt hại số tiền 49.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV P.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV P về việc yêu cầu Trung tâm gửi văn bản đính chính Văn bản 220 đến Công ty TNHH MTV P với nội dung bỏ đoạn “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí là 2.750.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.825.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH MTV P phải nộp thêm số tiền 925.000 đồng.

Trung tâm D không phải chịu án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2024 Công ty TNHH MTV P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Công ty TNHH MTV P yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Trung tâm D đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, Công ty TNHH MTV P (gọi tắt là Công ty P) có đơn kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Quyết định số 222/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/7/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ và Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm D ban hành kèm theo Quyết định này thì Trung tâm có chức năng cung cấp dịch vụ công về việc làm, trong đó có nhiệm vụ thu thập, cung cấp thông tin, phân tích và dự báo thị trường lao động, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ về tổ chức, bộ máy và các hoạt động. Căn cứ Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thực hiện Kết luận của Tỉnh ủy về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2021-2025, trong đó có phân công Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc chỉ đạo Trung tâm D trong việc phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2021-2025.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, khi các đơn vị có nguồn lao động phát sinh vướng mắc và có nhu cầu được Trung tâm giải đáp liên quan đến công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Đồng Tháp thì Trung tâm trả lời giải đáp là đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải đáp có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức phát hành văn bản. Đối với Văn bản số 220 là một văn bản mang tính chất giải đáp, cung cấp thông tin. Theo đó, Trung tâm có xác định nội dung về việc Trung tâm chưa ký kết hợp tác với Công ty P là đang cung cấp thông tin về Trung tâm, nội dung này không gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, hình ảnh, uy tín của Công ty P.

Đối với nội dung có thông tin thêm là Công ty P chưa được Bộ L1 cấp phép hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cũng chỉ mang tính chất cung cấp thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và vai trò là đầu mối về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thông tin này là đúng sự thật.

[2] Đối với yêu cầu của Công ty P yêu cầu Trung tâm D phải tuyên trả lại 200 lao động, nam, nữ, độ tuổi từ đủ 18 đến 32, trình độ học vấn 12/12. Hội đồng xét thấy: Công ty P cho rằng, ngay sau khi Trung tâm ban hành Văn bản số 220 thì các học viên đã đăng ký không đến Công ty P để nhập học làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và Công ty P cũng xác định, sau khi có Văn bản số 220 thì chỉ có vài chục học viên đến đăng ký học, trong khi từ đầu năm 2024 đến nay đã có hơn 100 học viên đến đăng ký học tại Công ty P, nhưng việc nại ra của phía Công ty P không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc 200 học viên đã có phiếu đăng ký với Công ty, nhưng không đến Công ty L2 nữa là do ảnh hưởng của Văn bản số 220 và Công ty cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh 200 học viên có phiếu đăng ký với Công ty thì phải đến Trung tâm dịch vụ việc làm để nhập học. Hơn nữa, việc yêu cầu này của Công ty cũng không có khả thi và cũng không thể chuyển giao thực hiện được, lý do: Việc đến Công ty nào học là quyền của các học viên không thể cưỡng ép được quy định tại Điều 5, Điều 10 Bộ luật Lao động 2019. Bên cạnh đó, căn cứ vào các phiếu đăng ký do Công ty cung cấp thì phiếu đăng ký không có nội dung thỏa thuận hoặc cam kết các em nào đã đăng ký phiếu với Công ty là bắt buộc các em đó phải học với Công ty, không được thay đổi ý kiến hoặc lựa chọn học chỗ khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía Công ty cũng xác định khi Trung tâm ban hành Văn bản số 220 thì rất ít học viên đến học như trước nhưng tính từ đầu năm 2024 đến nay thì đã có trên 100 học viên đến học tại Công ty. Như vậy, có cơ sở xác định hoạt động của Công ty vẫn bình thường, không bị ảnh hưởng. Điều này phù hợp với lời trình bày của Công ty tại phiên tòa Công ty cũng xác định là Công ty chỉ tư vấn, gửi phiếu đăng ký cho các em học sinh, chứ Công ty không có bắt làm cam kết, bắt ép các học sinh phải đến Công ty học. Việc các em đăng ký rồi có đến học hay không là quyền của các em, Công ty cũng không thể xác định được tỷ lệ bao nhiêu phần trăm sau khi các em đã đăng ký và sẽ đến Công ty N. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty P là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu của Công ty P yêu cầu Trung tâm D phải bồi thường, chi trả cho Công ty L3 mà Công ty P phải trả cho 03 lao động trong thời gian 07 tháng là 49.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong nội dung hợp đồng lao động không thể hiện việc Công ty P và người lao động có thỏa thuận hoặc giao kết trong trường hợp không có học viên đến học thì không trả lương hoặc bị giảm lương. Tại phiên tòa ngày 26/04/2024, Công ty P cũng thừa nhận là cho dù có học viên đến học hay không có thì phía Công ty P vẫn trả lương bình thường cho các nhân viên lao động này. Do đó, ngoài lời trình bày, thì phía Công ty P không có tài liệu,

chứng cứ gì chứng minh Văn bản số 220 của Trung tâm D làm ảnh hưởng đến 03 nhân viên lao động này của Công ty P, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty P là có căn cứ.

[4] Việc rút một phần yêu cầu của Công ty P về việc yêu cầu Trung tâm gửi văn bản đính chính Văn bản 220 đến Công ty P với nội dung bỏ đoạn “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”. Án sơ thẩm đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu trên của Công ty P là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên Công ty TNHH MTV P phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Trung tâm D đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV P, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 34; Điều 584; Điều 585; Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV P.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV P về việc yêu cầu Trung tâm D phải tuyển trả lại 200 lao động, nam, nữ, độ tuổi từ đủ 18 đến 32, trình độ học vấn 12/12 và bồi thường thiệt hại số tiền 49.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV P.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV P về việc yêu cầu Trung tâm gửi văn bản đình chính Văn bản 220 đến Công ty TNHH MTV P với nội dung bỏ đoạn “chưa được Bộ L1 - Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí là 2.750.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.825.000 đồng theo biên lai thu số 0000283, ngày 17/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, Công ty TNHH MTV P phải nộp thêm số tiền 925.000 đồng.

- Trung tâm D không phải chịu án phí.

6. Về án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV P phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0009797, ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (Công ty TNHH MTV P đã tạm ứng và chi xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C;
- TAND thành phố C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội